

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 513/2022/DS-PT

Ngày: 29/12/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Nước

*Các Thẩm phán:*

Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Nguyễn Chí Dũng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS - ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 437/2022/QĐ – PT ngày 09/12/2022, của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Quốc N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 158, đường CT, Tổ 33, Khóm 4, Phường 6, TPCLDT.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Văn H, sinh năm 1957;

2.2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Số 516, Tổ 15, ấp DB, xã HA, TPCLDT.

4. Người kháng cáo: Ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị N là bị đơn.  
Anh N, ông H, bà N có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Quốc N trình bày:

Vợ chồng ông H và bà N là chỗ quen biết với gia đình anh N, vào ngày 26/3/2020 vợ chồng ông H và bà N có đến nhà anh N hỏi vay anh N số tiền là 81.400.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng) mục đích vay là để làm quán cà phê, khi mượn có làm giấy biên nhận do ông H và bà N ký. Thời hạn vay thỏa thuận là ông H hứa đến ngày 30/11/2020 sẽ hoàn trả số tiền trên đã mượn của anh N.

Nhưng đến ngày hẹn vợ chồng ông H và bà N không trả tiền lại cho anh N, anh N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu vợ chồng ông H và bà N trả nợ nhưng lần nào ông H và bà N cũng tìm mọi cách để lẩn tránh việc trả nợ, đến nay vẫn không trả nợ cho anh N.

Theo đó, vợ chồng ông H và bà N nợ anh N tổng cộng số vốn là 81.400.000 đồng. Do đến hạn vợ chồng ông H không chịu trả vốn cho anh N nên anh N yêu cầu phải trả phần tiền lãi quá hạn, yêu cầu lãi 10%/năm = 0,833%/tháng, cụ thể phần lãi là:

$81.400.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 10.848.992 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 81.400.000 đồng + 10.848.992 đồng = 92.248.992 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

Nay anh N yêu cầu ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N số tiền vốn là 81.400.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện ngày 18/4/2022 là 10.848.992 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi tạm tính là 92.248.992 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm chín mươi hai đồng). Anh N yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với số tiền vốn 81.400.000 đồng (Tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng) với lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 19/4/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại tòa tường trình ngày 03/8/2022, anh Huỳnh Quốc N trình bày:

Anh N có yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông H và bà N trả số tiền vốn là 81.400.000 đồng và lãi 10.848.992 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi tạm tính là 92.248.992 đồng. Nay ông N tự nguyện bớt số tiền lãi chỉ yêu cầu ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N trả số tiền gốc 81.400.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N trình bày:

Ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N thừa nhận có vay số tiền 81.400.000 đồng của anh N như anh N trình bày, ông H và bà N có ký tên vào biên nhận, mục đích vay là để cho người khác vay lại. Nay chỉ đồng ý trả cho anh N số tiền 36.000.000 đồng, lý do ông H và bà N có trả lãi cho anh N theo lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, mỗi tháng ông H và bà N trả cho anh N từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nhưng không có biên nhận do hàng xóm với nhau. Tổng cộng bà N đã trả cho anh N được số tiền 45.000.000 đồng còn lại 36.000.000 đồng, việc bà N trả tiền cho anh N không có biên nhận.

Tại quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Quốc N.

Buộc ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho anh Huỳnh Quốc N số tiền vay 81.400.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 23/8/2022 ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm số: 54/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị N yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, đề nghị giải quyết theo hướng: Ông H và bà N chỉ đồng ý trả cho anh N số tiền còn nợ là 36.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Ông H và bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Anh N không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông H và bà N; anh N đồng ý theo bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa

Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Đối với đương sự: đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

về việc giải quyết vụ án dân sự

Ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị N chỉ đồng ý trả cho anh N số tiền còn nợ là 36.000.000 đồng.

Xét thấy, ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N thừa nhận có mượn của anh N số tiền 81.400.000 đồng, có ký tên vào trong “ Tờ biên nhận ngày 26/3/2020 ”.

Ông H, bà N cho rằng đã trả cho anh N được số tiền 45.000.000 đồng, anh N hứa bớt cho ông H, bà N số tiền 400.000đ nên ông H, bà N chỉ đồng ý trả cho anh N số tiền 36.000.000 đồng. Nhưng ông H và bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông H, bà N là có căn cứ. Anh N cũng không thừa nhận là có nhận của ông H, bà N số tiền 45.000.000 đồng. Đối với số tiền 400.000 đồng ông H, bà N trình bày là anh N hứa bớt cho ông H, bà N. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh N cũng không đồng ý bớt số tiền 400.000 đồng. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét căn trừ số tiền 45.000.000 đồng vào số tiền vay 81.400.000 đồng như lời trình bày của ông H, bà N.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS- ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp; không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2022 ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm số: 54/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh là còn trong thời hạn luật định được xem là hợp lệ.

[2] Xét Ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị N yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, đề nghị giải quyết theo hướng: Ông H và bà N chỉ đồng ý trả cho anh N số tiền còn nợ là 36.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy anh Huỳnh Quốc N khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N trả số tiền vay 81.400.000 đồng. Theo văn bản ý kiến ngày 24/11/2022 ông H, bà N trình bày số tiền 81.400.000 đồng không phải là tiền vay mà là tiền ghi sổ đề của anh N, anh N có đưa cho ông H, bà N một cái điện thoại màu xanh, sim mobifone không nhớ số để gọi chơi số đề (sim và máy nay anh N đã thu lại). Ông H, bà N bị anh N hăm dọa nên mới ký tên vào biên nhận nợ ngày 26/3/2020 theo yêu cầu của anh N. Sau khi ký biên nhận số tiền 81.400.000 đồng, ông H, bà N tiếp tục ghi sổ đề của anh N và thỏa huận nếu trúng thì được trừ vào số nợ, không trúng thì không trừ. Đến tháng 3/2020 ông H, bà N có trả cho anh N số tiền 40.000.000 đồng, anh N thống nhất cho ông H, bà N 400.000 đồng. Như vậy ông H, bà N chỉ còn nợ anh N số tiền 41.000.000 đồng. Anh N cho ông H, bà N mỗi tháng trả 1.000.000 đồng và ông H, bà N trả được thêm 5.000.000 đồng, tổng số tiền ông H, bà N trả được cho anh N là 45.000.000 đồng (do tin tưởng nên không làm biên nhận). Hai bên thỏa thuận tổng kết nợ thì ông H, bà N chỉ còn nợ anh N số tiền 36.000.000 đồng (thỏa thuận miệng). Do đó, ông H và bà N chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng). Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm ông H và bà N đều thừa nhận có mượn của anh N số tiền 81.400.000 đồng, ông H và bà N có ký tên vào biên nhận ngày 26/3/2020. Đồng thời tại cấp sơ thẩm ông H, bà N khai số tiền nợ 81.400.000 đồng là tiền mượn, tại cấp phúc thẩm trình bày ý kiến là tiền ghi nợ sổ đề, lời khai của ông H, bà N bất nhất và cũng không có chứng cứ chứng minh là tiền ghi nợ sổ đề. Mặt khác ông H và bà N cho rằng đã trả anh N tổng cộng là 45.000.000 đồng nhưng

không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông H, bà N là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Quốc N số tiền vay 81.400.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân TPCLDT.

[4] Xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của ông H, bà N không được chấp nhận nên ông H, bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H, bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên Xử:**

1- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N.

2- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân TPCLDT.

Buộc ông Võ Văn H và bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Huỳnh Quốc N số tiền vay 81.400.000 đồng (tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm

Ông Võ Văn H, bà Huỳnh Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký tên đóng dấu**

**Lê Hồng Nước**